

Bản án số: 24/2023/HS-ST  
Ngày 31-3-2023.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đinh Ngọc Phúc
- Ông Tống Xuân Tú

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23 /2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn Q**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: thôn V, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; G tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Kh và bà Phạm Thị Thu H; có vợ Đinh Thị Tr và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/11/2022 đến nay (có mặt).

**2. Trần Xuân G** sinh năm 1946

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; G tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Đinh Thị N (đều đã chết); có vợ Đinh Thị R, sinh năm 1955 (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1981; Nhân thân: Năm 1964 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1974 xuất ngũ trở về địa phương lao động tự do. Là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Năm 2007, có thành tích xây dựng gia cấp Nông dân và hội Nông dân Việt Nam được Ban chấp hành Trung ương Hội nông dân Việt Nam tặng Kỷ niệm chương. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang sinh hoạt đảng tại Đảng bộ xã T, huyện H. Từ năm 2011 đến

năm 2014, là Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng bộ xã T tặng Giấy khen; năm 2021 được Ban chấp hành Trung ương đảng tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng; bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 16/3/2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/12/2022 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân G: Ông Vũ Ngọc Trinh- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

*Bị hại:* Bà Đinh Thị R, sinh năm 1955 (đã chết)

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

*Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1975 (là con bà R)

Địa chỉ: Làng Doch Iaikrot, xã Iakrai, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Trần Thị D, sinh năm 1978 (là con bà R)

Địa chỉ: Số 01, đường N7 tổ 3, Q. Phú Tân, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương.

3. Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1981 (là con bà R)

Địa chỉ: Số 40, đường 14 khu 1, Q. P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị D và anh Q1: ông Trần Xuân Th, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

*Người làm chứng:* bà Bùi Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 13/10/2022, Trần Xuân G điều khiển xe máy, nhãn hiệu HONDA SUPERCUB, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 16FA-0659 (xe có dung tích xi lanh 49 cm<sup>3</sup>) chở phía sau bà Đinh Thị R (là vợ) đi trên đường ĐH71A theo hướng từ xã Đông Đô, huyện H đi xã T, huyện H. G điều khiển xe với tốc độ khoảng 20 km/h. Đến khoảng 07 giờ 35 phút cùng ngày, khi đi đến cách khu vực ngã ba giao cắt giữa đường ĐH71A với đường trục thôn Đ, xã T, là đoạn đường có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên (W207b, W207c) khoảng 03m, trong điều kiện thời tiết khô ráo, ánh sáng ban ngày, phương tiện tham gia giao thông thưa thớt, tầm nhìn không bị hạn chế, mặt đường bằng phẳng; G phát hiện phía trước bên trái có một xe máy, nhãn hiệu CUBJIBAND, không gắn biển kiểm soát (xe có dung tích xi lanh 49 cm<sup>3</sup>) do Lê Văn Q điều khiển đi ngược chiều; G không giảm tốc độ, không nhường đường, không bật xi nhan báo hướng rẽ mà tiếp tục điều khiển xe máy chuyển hướng rẽ trái để đi vào đường trục thôn Đ. Khi phát hiện thấy G đang chuyển hướng rẽ trái,

Q không giảm tốc độ, vẫn điều khiển xe máy đi thẳng vào khu vực ngã ba. Khi hai xe chỉ còn cách nhau khoảng 2m thì Q đạp phanh, đánh lái sang phía bên phải theo chiều đi để tránh xe của G nhưng do mặt đường có nhiều cát, đá (vật liệu xây dựng) rơi vãi dẫn đến phần trục bên trái bánh xe máy phía trước do Q điều khiển đã va chạm với phần trục bên phải bánh xe máy phía trước do G điều khiển làm xe máy G điều khiển bị đổ, bà R ngã ra đường, xe máy do Q điều khiển mất lái đâm xuống vệ cỏ dưới bờ ruộng bên phải theo chiều đi. Hậu quả bà R bị thương, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa, huyện H, sau chuyển Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình. Đến 04 giờ 00 phút ngày 14/10/2022, bà R chết; G bị gãy xương bánh chè chân phải, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hưng Hà, 02 xe máy bị hư hỏng nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 242/KL-KTHS(PY) ngày 24/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Trên tử thi có 06 vết dập da, sung nề, bầm máu tại vùng đầu, ngực, tay và chân do tai nạn giao thông làm vỡ xương sọ vùng giữa chẩm, chảy máu não. Nạn nhân Đinh Thị R chết do chấn thương sọ não”.

Bản cáo trạng số 24/CT- VKSHH ngày 02/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Q, G về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo Q, G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử các bị cáo Q, G phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 và Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 35 BLHS; xử phạt bị cáo G số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Vật chứng của vụ án: Trả lại bị cáo Q 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 330162019829 mang tên Lê Văn Q.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn Q đã tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 100.000.000 đồng; bị cáo Trần Xuân G đã cùng các con lo chi phí mai táng cho người bị hại. Gia đình người bị hại không yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Lê Văn Q và Trần Xuân G.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo G đề nghị: Hoàn toàn nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện H; nhất trí với quan điểm của đại diện bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá, xem xét hoàn cảnh, điều kiện của bị cáo G được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, xử bị cáo G với mức phạt tiền thấp nhất.

Các bị cáo Q, G không tranh luận gì, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Q xin được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm (bút lục số 41); Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường (bút lục từ số 46 đến số 55); Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường (bút lục từ số 56 đến số 59); Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông và bản ảnh phương tiện (bút lục từ số 62 đến số 73); Biên bản khám nghiệm tử thi và bản ảnh tử thi (bút lục từ số 75 đến số 76); Bản kết luận giám định pháp y số 242/KL-KTHS(PY) ngày 24/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 77); Biên bản ghi lời khai của người làm chứng bà Bùi Thị L (bút lục từ số 396 - 397). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 35 phút ngày 13/10/2022, tại ngã ba giao cắt giữa đường ĐH71A với đường trục thôn Đ, thuộc địa phận xã T, huyện H, là đoạn đường có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên (W207b, W207c). Trần Xuân G có hành vi điều khiển xe máy HONDA SUPERCUB, biển kiểm soát: 16FA-0659 chở phía sau bà Đinh Thị R đi trên đường ĐH71A không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, khi chuyển hướng rẽ trái vào đường trục thôn Đ không có tín hiệu báo rẽ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn; Lê Văn Q có hành vi điều khiển xe máy CUBJIPAND, không gắn biển kiểm soát đi trên đường ĐH71A (hướng ngược chiều với G) không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, không giảm tốc

độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi đến đoạn đường có nhiều cát, đá (vật liệu xây dựng) rơi vãi dẫn đến phần trục bên trái bánh xe máy phía trước do Q điều khiển đã va chạm với phần trục bên phải bánh xe máy phía trước do G điều khiển hậu quả làm bà R chết.

Hành vi của bị cáo Trần Xuân G điều khiển xe máy tham gia giao thông không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, khi chuyển hướng rẽ trái, không có tín hiệu báo rẽ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn, nên đã vi phạm khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải; hậu quả làm chết một người. Hành vi của bị cáo Lê Văn Q điều khiển xe máy tham gia giao thông không chấp hành chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn, nên đã vi phạm khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, khoản 11 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải; hậu quả làm chết một người. Vì vậy, hành vi trên của Trần Xuân G và Lê Văn Q đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 260 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

**Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ**

*“1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.*

.....”

**Điều 12. Tốc độ và khoảng cách giữa các xe**

*“1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.*

.....”

**Điều 15. Chuyển hướng xe**

*“1. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.*

*2. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác”*

**Điều 5. Thông tư 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải; Các trường hợp phải giảm tốc độ**

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

.....

11. Trời mưa; có sương mù, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi"

### **Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ**

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b)...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã điều khiển xe máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, hậu quả đã gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại điều 52 BLHS, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo G tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác; là người có công với cách mạng; có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Văn Q tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Từ các nhận xét trên đối với bị cáo Q, HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo G là chồng của người bị hại HĐXX xét thấy chỉ cần phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn Q đã tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 100.000.000 đồng; bị cáo Trần Xuân G đã cùng các con lo chi phí mai táng cho người bị hại. Gia đình người bị hại không yêu cầu, đề nghị gì khác (Bị cáo Q đã bồi thường xong).

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án và các đồ vật, tài sản khác quản lý và thu giữ trong vụ án: Đối với 01 xe máy, nhãn hiệu HONDA SUPERCUB, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 16FA-0659 đã qua sử dụng; quá trình điều tra, xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Trần Xuân G, ngày 03/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho bị cáo. Đối với 01 xe máy, nhãn hiệu CUBJIPAND, màu sơn vàng, không gắn biển kiểm soát đã qua sử dụng và 01 biển kiểm soát: 17AA- 411.83; quá trình điều tra, xác định là tài sản hợp pháp của ông Lê Đức Khanh, sinh năm 1969 ở thôn V, xã H1, huyện H, tỉnh Thái Bình (bố đẻ bị cáo Q), ngày 03/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho ông Khanh là phù hợp.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 330162019829 mang tên Lê Văn Q, cần trả lại cho bị cáo Q.

Bị cáo Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo G là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*Từ nhận xét trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn Q và Trần Xuân G** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Q 01 năm** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo G 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước.

*Giao bị cáo Q cho UBND xã H1, huyện H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Q với đại diện hợp pháp của bị hại, bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình bị hại là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác. (Bị cáo Q đã bồi thường xong).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo G.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Q, bị cáo G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T, chị D và anh Q1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã H1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Nhàn**



